

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ CAI LẬY**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2017 /HNGĐ-ST

Ngày: 27/12/2017

V/v tranh chấp “ ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY - TIỀN GIANG**  
*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông **Bùi Thanh Giảng**.

Hội thẩm nhân dân :

1/ Bà **Nguyễn Thị Thanh Thủy**

2/ Bà **Lý Thị Bé Năm**

Thư ký phiên tòa: Bà **Tăng Thị Điền** – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay.

Ngày 27/12/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 354/2017/TLST- HNGĐ ngày 24/10/ 2017 về việc “ ly hôn ” theo quyết định xét xử số 91/2017/QĐST-HNGĐ ngày 01/12/2017 và quyết định hoãn phiên tòa số 62/2017/QĐST-HNGĐ ngày 11/12/2017 giữa các đương sự :

*Nguyên đơn* : Anh Trần Minh D, sinh 1991.(có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 1, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

*Bị đơn* : Chị Đinh Hồ Bội N, sinh 1994 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 01 dãy B, Cụm dân cư phường B, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn anh Trần Minh D trình bày:*

Anh và chị Đinh Hồ Bội N tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn ngày 22/5/2014 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, Tiền Giang. Hai người chung sống hạnh phúc được thời gian ngắn, sau đó thì hai người phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, bất đồng với nhau về quan điểm sống, đến ngày 29/9/2017 thì chị N dẫn con về nhà cha mẹ ruột sinh sống đến nay, anh cũng không liên lạc được với chị N. Vì hai người đã ly thân từ đó đến nay, anh cảm thấy tình cảm không còn nữa, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với chị N.

Về con chung: Có 01 người tên Trần Ngọc Minh K, sinh ngày 26/8/2014 hiện đang do chị N chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Sau khi ly hôn anh đồng ý giao con cho chị N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi trưởng thành và có khả năng lao động.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

*Bị đơn* : Chị Đinh Hồ Bội N, từ sau khi thụ lý vụ án, Tòa án có triệu tập hợp lệ để làm bản tự khai, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, tham gia hòa giải nhưng chị vắng mặt không rõ lý do nên Tòa án không thu thập được chứng cứ, không tiến hành hòa giải được và phiên tòa xét xử đến lần 2 chị N vẫn vắng mặt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 39/2014, quyển số 1/2014 ngày 22/5/2014 và đơn yêu cầu của anh Trần Minh D thì anh và chị Đinh Hồ Bội N tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, Tiền Giang nên quan hệ giữa anh D và chị N được pháp luật công nhận là vợ chồng, anh D khởi kiện chị N về việc ly hôn thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với chị N từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa xét xử lần hai nhưng chị N vẫn vắng mặt không rõ lý do, anh D cũng có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt chị N, anh D theo quy định tại điểm b khoản 2 điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Xét thấy đã là vợ chồng thì phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình, cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc. Chị N và anh D từ khi chung sống với nhau chỉ hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, do tính tình không hợp nhau, bất đồng với nhau về quan điểm sống, anh D và chị N đã ly thân từ tháng 9/2014 đến nay, anh cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nên yêu cầu được ly hôn với chị N. Đối với chị N, sau khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã triệu tập hợp lệ để làm bản khai, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, tham gia hòa giải, xét xử nhưng chị vẫn vắng mặt không rõ lý do, chị N không đến chứng tỏ mâu thuẫn giữa chị N và anh D là có thật, chị không mong muốn hàn gắn tình cảm và không tôn trọng pháp luật. Từ những phân tích trên, có căn cứ để Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn giữa chị N và anh D là đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh D là phù hợp với quy định tại Điều 51 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về con chung: Có 01 người tên Trần Ngọc Minh K, sinh ngày 26/8/2014 hiện đang do chị N chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Sau khi ly hôn anh D đồng ý giao con cho chị N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi trưởng thành và có khả năng lao động. Xét thấy cháu K đến nay mới hơn 03 tuổi nên việc giao con của anh D cho chị N chăm sóc là hợp lý và việc tự nguyện cấp dưỡng nuôi con là phù hợp quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Về án phí: Nguyên đơn là anh Trần Minh D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, anh D chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

***Vì các lẽ trên.***

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Điều 271 Bộ luật Tố tụng dân sự ; các Điều 51, 53, 54, 56, 57, 58 Luật Hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Xử: - Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Minh D.

Anh Trần Minh D được ly hôn với chị Đinh Hồ Bội N.

Về con chung: Giao cho chị N chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Trần Ngọc Minh K, sinh ngày 26/8/2014. Anh D cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi trưởng thành và có khả năng lao động.

Anh D được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Trần Minh D phải chịu 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng), anh D phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Anh D đã nộp 300.000 đồng( Ba trăm ngàn đồng ) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0001126 ngày 23/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy nên phải nộp tiếp số tiền 300.000 đồng.

Về quyền kháng cáo: Chị N, anh D được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ .

**Nơi nhận :**

- TAND tỉnh TG;
- VKSND TX CL;
- Chi cục THADS TX CL;
- UBND xã Phú Cường-H.Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu .

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Bùi Thanh Giảng**